

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 26-3-2026

Về việc ly hôn và nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Trường Hận.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tấn Đề và bà Phạm Thanh Tuyền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Trúc Thư - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 - An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - An Giang tham gia phiên tòa: Ông Danh Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2026, tại Tòa án nhân dân khu vực 7 - An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 216/2025/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2025 về việc “Ly hôn và nuôi con”, theo Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 102/2026/TB-TĐTGMPT ngày 09/3/2026, giữa các đương sự:

1- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Mỹ N, sinh ngày 28/07/2003; địa chỉ: Ấp V, xã N, tỉnh An Giang.

Căn cước công dân số 091303015670 cấp ngày 29/7/2022.

2- Bị đơn: Anh Trần So N1, sinh ngày 03/06/2001; địa chỉ: Ấp H, xã T, tỉnh An Giang.

Căn cước công dân số 091201014743 cấp ngày 15/9/2022.

(Giấy chứng nhận kết hôn số: 144/2022, đăng ký ngày 17/11/2022 tại UBND xã N, huyện A, tỉnh Kiên Giang)

Chị N có đơn xin vắng, anh N1 vắng mặt lần 02 không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1]- Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là chị N trình bày: Anh chị đăng ký kết hôn ngày 17/11/2022 tại Ủy ban nhân dân xã N (nay là xã T). Trong quá trình chung sống xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, sống không hợp nhau, hôn nhân không hạnh phúc. Gia đình hai bên đã hàn gắn nhưng không thành, anh chị đã sống ly thân khoảng một năm nay. Nay tình cảm không còn, không thể sống chung với nhau được nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Anh chị có 01 người con chung là Trần Quốc B, sinh ngày 30/01/2023, hiện đang sống chung chị N. Chị N yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi con, không yêu cầu anh N1 cấp dưỡng. Chị N trình bày không tài sản, không nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

[2]- Bị đơn là anh N1 vắng mặt trong suốt thời gian Tòa án thụ lý giải quyết nên không có lời trình bày tại phiên tòa.

[3]- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình. Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập 02 lần để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là đúng quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N đối với anh N1 và giao con cho chị N tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Không ai yêu cầu gì khác nên đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị N yêu cầu ly hôn nên Tòa án thụ lý đơn giải quyết theo khoản 1 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình. Chị N yêu cầu được ly hôn và yêu cầu giải quyết quyền nuôi con nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Ly hôn và nuôi con*”.

Nguyên đơn có văn bản yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt nên vụ án không tiến hành hòa giải được theo Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đương sự theo quy định.

[2] Về hôn nhân: Năm 2022 anh N1 và chị N đăng ký kết hôn đúng quy định của pháp luật nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, anh chị xảy ra mâu thuẫn và sống ly thân khoảng 01 năm nay.

Xét thấy, anh N1 và chị N đã xảy ra mâu thuẫn thời gian dài, hiện nay mỗi người sống một nơi. Tòa án đã tổ chức hòa giải để tạo điều kiện cho anh chị hàn gắn nhưng anh N1 vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được. Anh chị là vợ chồng nhưng không có sự quan tâm, chăm sóc, chia sẻ lẫn nhau là vi phạm Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình. Mâu thuẫn giữa anh chị đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị N và thống nhất theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc cho chị N được ly hôn với anh N1.

[3] Về con chung: Anh chị có một người con chung là cháu Trần Quốc B, sinh ngày 30/01/2023, hiện tại chị N đang nuôi dưỡng. Chị N yêu cầu được trực tiếp nuôi con, anh N1 không có ý kiến gì. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận theo yêu cầu của chị N và đề nghị của Viện kiểm sát về việc giao con chung cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

[4] Cấp dưỡng nuôi con là quyền lợi của chị N nhưng chị không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Chị N trình bày không có tài sản và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu phát sinh tranh chấp, đương sự có quyền nộp đơn khởi kiện thành vụ án khác.

[6] Về án phí sơ thẩm: Chị N là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 6, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Như vậy, chị N phải chịu án phí là 300.000 đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 92, 147, 207, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 19, 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 6, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Mỹ N đối với anh Trần So N1. Quan hệ hôn nhân của anh chị được chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2- Về con chung: Giao con chung là Trần Quốc B, sinh ngày 30/01/2023, cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Anh N1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Trường hợp chị N vi phạm nghĩa vụ nuôi con hoặc không còn đủ điều kiện nuôi con thì anh N1 có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3- Về cấp dưỡng, tài sản: Hiện tại không ai yêu cầu nên Toà án không xem xét. Nếu có tranh chấp đương sự có quyền khởi kiện thành vụ án khác.

4- Về án phí: Chị Nguyễn Thị Mỹ N chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình; được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010638 ngày 02/12/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

5- Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND khu vực 7;
- Phòng THADS khu vực 7;
- UBND xã Tây Yên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Trường Hận